

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/DS-ST

Ngày: 07-8-2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng
và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Diệu Tuyết Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Hòa.
2. Bà Châu Thị Phương Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Biện Anh Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 332/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 245/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 306/2020/QĐST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T.

Địa chỉ trụ sở: đường A, Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ chi nhánh: đường Đ, phường Đức Thắng, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đắc H – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP T chi nhánh Bình Thuận (Theo Giấy ủy quyền số 3973/2018/GUQ-PL ngày 10/12/2018 và Giấy ủy quyền số 3912/2019/GUQ-PL ngày 16/12/2019 của Tổng giám đốc ngân hàng TMCP T).

Người được ông Nguyễn Đắc H ủy quyền lại: Ông Nguyễn H – Chức vụ: Phó Giám đốc (Theo Giấy ủy quyền số 01/2019/GUQ-CNBT ngày 02/01/2019 và

Giấy ủy quyền số 06/2020/GUQ-CNBT ngày 02/01/2020 về việc ký hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và thẩm quyền tham gia tố tụng).

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Hồng T – Chuyên viên quản lý nợ (Theo Giấy ủy quyền số 12/2020/GUQ-CNBT ngày 02/01/2020 về việc ký hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và thẩm quyền tham gia tố tụng) - Có mặt.

2. Bị đơn: 1. Ông Nguyễn Thành Đ– sinh năm 1987 (vắng mặt).

2. Bà Hồ Thị Bích T– sinh năm 1991 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố 1, phường Phú Trinh, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 12 năm 2019 của nguyên đơn cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Ngày 17/5/2018, vợ chồng ông Nguyễn Thành Đ, bà Hồ Thị Bích T đã ký hợp đồng tín dụng số LD1813700635 với Ngân hàng TMCP T– chi nhánh Bình Thuận (sau đây gọi là Ngân hàng) để vay vốn với số tiền 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*); Thời hạn vay: 03 năm; Mục đích vay mua xe ô tô con; Phương thức trả nợ: trả nợ gốc và trả nợ lãi theo định kỳ 1 tháng 1 lần vào ngày 17 hàng tháng. Vốn gốc được trả trong 36 kỳ (mỗi kỳ tương ứng 01 tháng), từ kỳ 01 đến kỳ 35 mỗi kỳ phải trả số tiền là 13.900.000 đồng, kỳ cuối cùng trả số tiền 13.500.000 đồng. Số tiền trả lãi vay mỗi kỳ được tính theo số dư nợ thực tế mỗi ngày, số ngày thực tế mỗi kỳ nhân với lãi suất cho vay.

Lãi suất trong hạn: 11%/năm cố định trong vòng 12 tháng. Các tháng còn lại lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh+ với biên độ 4,5%/năm. Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là Xe ô tô con hiệu MAZDA 3 15G AT biển số 86A-077.43, số máy P520504268, số khung 4AA6JC092449 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015932 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Thuận cấp ngày 15/5/2018. Tài sản này đã được thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 111/2018/TC đã được Phòng công chứng số 1 tỉnh Bình Thuận chứng nhận ngày 17/5/2018 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm cùng ngày tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với hợp đồng tín dụng số LD1813700635, ông Nguyễn Thành Đ và bà Hồ Thị Bích T đã thanh toán cho Ngân hàng được 186.222.000 đồng nợ gốc và nợ lãi phát sinh từ ngày 17/5/2018 đến ngày 26/6/2019 là 50.184.450 đồng. Ngày 25/7/2019 là đợt cuối cùng ông, bà thanh toán nợ cho Ngân hàng, kể từ đó đến nay không thanh toán thêm bất kỳ số tiền nào khác. Khoản vay chuyển quá hạn từ ngày 17/7/2019.

Ngày 20/9/2018, ông Nguyễn Thành Đ có ký với Ngân hàng TMCP T- chi nhánh Bình Thuận hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng) đối với tín dụng số 356480-8774 theo các nội dung như sau: hạn mức sử dụng thẻ 30.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất 1,6%/tháng. Sau khi được cấp thẻ, ông Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 36.390.795 đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông Đ đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 15.157.249 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Cụ thể sẽ ưu tiên thanh toán trừ vào phí trễ hạn 1.666.821 đồng, phí vượt hạn mức 200.000 đồng, phí thường niên 299.000 đồng, trừ lãi trong hạn 6.394.873 đồng. Sau khi trừ các khoản trên số tiền còn lại của ông Đ là 6.596.555 đồng sẽ được trừ vào phần tiền mà ông Đ đã giao dịch. Ngày 22/8/2019 là ngày cuối cùng ông Đ thanh toán cho Ngân hàng. Khoản vay chuyển quá hạn từ ngày 22/11/2019.

Ngày 10/4/2019, bà Hồ Thị Bích T có ký với Ngân hàng TMCP T- chi nhánh Bình Thuận hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng) đối với tín dụng số 356480-7463 theo các nội dung như sau: hạn mức sử dụng thẻ 20.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng suất 1,6%/tháng. Sau khi được cấp thẻ, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 19.744.400 đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.822.479 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Cụ thể sẽ ưu tiên thanh toán trừ vào phí trễ hạn 621.691 đồng, phí vượt hạn mức 50.000 đồng, phí thường niên 149.500 đồng, số tiền còn lại 1.001.288 đồng được trừ vào lãi. Ngày 22/7/2019 là ngày cuối cùng bà T thanh toán cho Ngân hàng. Khoản vay chuyển quá hạn từ ngày 22/12/2019.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Thành Đ và bà Hồ Thị Bích T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các hợp đồng tín dụng đã ký dẫn đến chuyển sang nợ quá hạn. Phía Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo nhắc nợ và mời làm việc nhưng ông Đ, bà T không hợp tác, cố tình tránh né và không có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 07/8/2020 tổng dư nợ của ông Nguyễn Thành Đ và bà Hồ Thị Bích T tại Ngân hàng đối với các hợp đồng tín dụng là: 425.876.222 đồng, trong đó nợ gốc là 364.506.822 đồng, nợ lãi là 61.369.400 đồng. Cụ thể:

- Số nợ đối với hợp đồng tín dụng số LD1813700635 ký ngày 17/5/2018 là 364.111.696 đồng, gồm nợ gốc: 313.778.000 đồng, nợ lãi: 50.333.696 đồng.

- Số nợ đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 356480-8774 ký ngày 20/9/2018 là 35.967.505 đồng, gồm nợ gốc: 29.794.240 đồng, nợ lãi: 6.173.265 đồng.

- Số nợ đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 356480-7463 ký ngày 10/4/2019 là 25.272.314 đồng, gồm nợ gốc: 20.934.582 đồng, nợ lãi: 4.337.732 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Thành Đ và bà Hồ Thị Bích T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số nợ (gồm nợ gốc, nợ lãi) tạm tính đến ngày 07/8/2020 là: 425.876.222 đồng, cụ thể: nợ gốc là 364.506.822 đồng, nợ lãi là 61.369.400 đồng. Ngoài ra, ông Nguyễn Thành Đ và bà Hồ Thị Bích T còn phải thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh theo quy định tại các hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 8/8/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp vợ chồng ông Đ, bà T không trả được nợ ngay thì yêu cầu Tòa án cho phát mãi tài sản bảo đảm là: Xe ô tô con hiệu MAZDA 3 15G AT biển số 86A-077.43, số máy P520504268, số khung 4AA6JC092449 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015932 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Thuận cấp ngày 15/5/2018 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết và cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Nguyễn Thành Đ và bà Hồ Thị Bích T nhưng ông Đ, bà T vắng mặt, không đến Tòa án làm việc mà không có lý do. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải được. Bị đơn vắng mặt trong toàn bộ xét xử nên không nộp tài liệu, chứng cứ nào tại Tòa án, không có ý kiến đối với nội dung vụ án, đã được Tòa án thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết và đề xuất ý kiến về việc giải quyết nội dung vụ án như sau:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tiến hành các thủ tục thu thập chứng cứ, tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa có mặt đúng thành phần trong quyết định xét xử và đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn không chấp hành các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Nguyễn Thành Đ và bà Hồ Thị Bích T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần T tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 07/8/2020 là 425.876.222 đồng, trong đó nợ gốc là 364.506.822 đồng, nợ lãi là 61.369.400 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định tại các hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 8/8/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

Trong trường hợp ông Nguyễn Thành Đ và bà Hồ Thị Bích T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng

thương mại cổ phần T thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng TMCP T(Ngân hàng) khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thành Đ, bà Hồ Thị Bích T trả số tiền còn nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng số LD1813700635 ký ngày 17/5/2018 và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 20/9/2018 và ngày 10/4/2019 (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng). Do vậy xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp phát sinh trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng và khách hàng cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo điều khoản thi hành của Hợp đồng tín dụng đã ký kết và tại Điều 8 của Hợp đồng thế chấp tài sản ký ngày 17/5/2018 các bên đã thỏa thuận sẽ lựa chọn Tòa án nơi Ngân hàng Ngân hàng có trụ sở chính hoặc Tòa án nơi có trụ sở chi nhánh ghi tại hợp đồng hoặc một Tòa án khác do Ngân hàng Ngân hàng lựa chọn để giải quyết. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.3] Về việc giải quyết vắng mặt bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết, cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Thành Đ và bà Hồ Thị Bích T nhưng đều vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai, tiếp cận chứng cứ, hòa giải và tại các phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Hợp đồng tín dụng số LD1813700635 ngày 17/5/2018; hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng) đối với tín dụng số 356480-8774 ngày 20/9/2018; hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng) đối với tín dụng số 356480-7463 ngày 10/4/2019; hợp đồng thế chấp tài sản số 111/2018/TC ngày 17/5/2018 giữa Ngân hàng TMCP T– chi nhánh Bình Thuận với vợ chồng ông Nguyễn Thành Đ, bà Hồ Thị Bích T được ký kết bằng văn bản, được công chứng, chứng thực, trên tinh thần tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, phù hợp với quy định của pháp luật nên các hợp đồng ký kết

giữa các bên điều hợp pháp, có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Thành Đ và bà Hồ Thị Bích T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các hợp đồng tín dụng đã ký. Cụ thể: Đối với hợp đồng tín dụng số LD1813700635, ông Nguyễn Thành Đ và bà Hồ Thị Bích T chỉ thanh toán cho Ngân hàng được 186.222.000 đồng nợ gốc và 50.184.450 đồng nợ lãi phát sinh từ ngày 17/5/2018 đến ngày 26/6/2019; Đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 356480-8774, ông Nguyễn Thành Đ chỉ thanh toán được số tiền 15.157.249 đồng (gồm tiền gốc là 6.596.555 đồng, tiền lãi và phí giao dịch là 8.560.694 đồng); Đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 356480-7463 bà Hồ Thị Bích T chỉ thanh toán được số tiền 1.822.479 đồng (gồm tiền phí giao dịch là 821.191 đồng, tiền lãi là 1.001.288 đồng). Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà T trả nợ do vi phạm hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu ông Nguyễn Thành Đ và bà Hồ Thị Bích T phải trả cho Ngân hàng các khoản tiền gồm:

- Tiền nợ đối với hợp đồng tín dụng số LD1813700635 ký ngày 17/5/2018 là 364.111.696 đồng, gồm nợ gốc: 313.778.000 đồng, nợ lãi: 50.333.696 đồng.

- Tiền nợ đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 356480-8774 ký ngày 20/9/2018 là 35.967.505 đồng, gồm nợ gốc: 29.794.240 đồng, nợ lãi: 6.173.265 đồng.

- Tiền nợ đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 356480-7463 ký ngày 10/4/2019 là 25.272.314 đồng, gồm nợ gốc: 20.934.582 đồng, nợ lãi: 4.337.732 đồng.

Tổng số nợ mà Ngân hàng yêu cầu ông Đ và bà T phải trả cho Ngân hàng đối với hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết tính đến ngày 7/8/2020 là 425.876.222 đồng, trong đó nợ gốc là 364.506.822 đồng, nợ lãi là 61.369.400 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định tại các hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 8/8/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi giao kết hợp đồng tín dụng số LD1813700635 ngày 7/5/2018, Ngân hàng đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo hợp đồng đã ký kết, đã giải ngân số tiền vay 500.000.000 đồng cho vợ chồng ông Nguyễn Thành Đ và bà Hồ Thị Bích T theo đúng nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết (thể hiện tại Giấy nhận nợ số: 1, ký ngày 17/5/2018 tại Ngân hàng chi nhánh Bình Thuận). Đối với hợp đồng tín dụng số 356480-8774 ngày 20/9/2018, sau khi được cấp thẻ, ông Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 36.390.795 đồng. Đối với hợp đồng tín dụng số 356480-7463 ngày 10/4/2019, sau khi được cấp thẻ, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 19.744.400 đồng. Đối với các hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, mặc dù do ông Đ, bà T tự ký kết với Ngân hàng, tuy nhiên ông, bà ký trong thời kỳ hôn nhân gia đình, mục đích vay tiêu dùng và tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đều thể hiện thông tin của vợ và chồng. Việc ông Nguyễn Thành Đ và bà Hồ Thị Bích T mặc dù biết rõ các kỳ hạn mà vợ chồng ông, bà phải trả nợ cho Ngân hàng nhưng ông, bà vẫn không thanh toán tiền vay và tiền lãi cho

Ngân hàng như thỏa thuận đã cam kết là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ các tài liệu do nguyên đơn giao nộp gồm các hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ, bảng sao kê tín dụng, bảng chiết tính lãi, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ xác định việc xác lập, nội dung và quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng đúng như nguyên đơn trình bày. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc ông Nguyễn Thành Đ và bà Hồ Thị Bích T phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 07/8/2018 là 425.876.222 đồng (trong đó nợ gốc là 364.506.822 đồng, nợ lãi là 61.369.400 đồng) và tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Đ, bà T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu Tòa án cho xử lý tài sản bảo đảm đã được thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy: Để đảm bảo khoản vay của Hợp đồng tín dụng số LD1813700635 ngày 17/5/2018, cùng ngày Ngân hàng TMCP T, chi nhánh Bình Thuận với vợ chồng ông Đ, bà T hai bên đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 111/2018/TC. Tài sản thế chấp là: Xe ô tô con hiệu MAZDA 3 15G AT biển số 86A-077.43, số máy P520504268, số khung 4AA6JC092449 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015932 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Thuận cấp ngày 15/5/2018 đứng tên ông Nguyễn Thành Đ, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 17/5/2018. Theo quy định tại mục 9 của Phụ lục tài sản bảo đảm đính kèm hợp đồng tín dụng và Điều 6 của Hợp đồng thế chấp, hai bên thỏa thuận: *“Bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các nghĩa vụ được quy định tại hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng được toàn quyền xử lý tài sản bảo đảm”*. Do vợ chồng ông Đ, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng mà hai bên đã cam kết, vì vậy việc Ngân hàng yêu cầu Tòa án cho xử lý tài sản bảo đảm đã được thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thành Đ và bà Hồ Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 425.876.222 đồng theo quy định của pháp luật. Cụ thể: 20.000.000 đồng + 4% (425.876.222 – 400.000.000) đồng = 21.035.048 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm b Khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 280, 292, 293, 298, 299, khoản 7 Điều 323, Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần T.

Buộc ông Nguyễn Thành Đvà bà Hồ Thị Bích Tcó nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần T tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 07/8/2020 là 425.876.222 đồng (*Bốn trăm hai mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi sáu ngàn hai trăm hai mươi hai đồng*), trong đó nợ gốc là 364.506.822 đồng, nợ lãi là 61.369.400 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Thành Đvà bà Hồ Thị Bích Tcòn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo bản án của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp ông Nguyễn Thành Đvà bà Hồ Thị Bích Tkhông thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thương mại cổ phần T thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là: Xe ô tô con hiệu MAZDA 3 15G AT biển số 86A-077.43, số máy P520504268, số khung 4AA6JC092449 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015932 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Thuận cấp ngày 15/5/2018 đứng tên ông Nguyễn Thành Đtheo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần T.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Thành Đvà bà Hồ Thị Bích Tphải chịu 21.035.048 đồng (*Hai mươi một triệu không trăm ba mươi lăm ngàn không trăm bốn mươi tám đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Tsố tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.436.500 đồng (*Chín triệu bốn trăm ba mươi sáu ngàn năm trăm đồng*) theo biên lai thu

tiền số 0005287 ngày 19/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/8/2020). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Diệu Tuyết Trinh